

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 27/10/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Ngô Thanh Ngọc Cảnh;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Dáng Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 275/2021/TB-TA ngày 24 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà B.T.D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông P. V.P.N, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp HP, xã ĐT, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà B.T.D trình bày như sau:* Bà và ông P. V.P.N do mai mối và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Phạm Quốc K, sinh ngày 04/01/2003 và Phạm Trung Kn, sinh ngày 06/4/2008. Nhưng đến tháng 6/2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Nhỏ thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi, gia đình không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P. V.P.N. Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên Phạm Quốc K, sinh ngày 04/01/2003 (đã trưởng thành và có khả năng lao động) và Phạm Trung Kn, sinh ngày 06/4/2008, hiện đang sống với ông N. Nếu được ly hôn, bà đồng ý giao cho ông N được nuôi dưỡng con chung Trung Kn, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Do hiện nay dịch bệnh đang diễn ra phức tạp và bà đang làm việc tại tỉnh Bạc Liêu, việc đi lại khó khăn nên bà D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa khi vụ án được đưa ra xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông N đến để tiến hành hòa giải nhưng ông N vắng mặt không có lý do và không có lời khai hay ý kiến nên Tòa án không ghi nhận được quá trình hôn nhân, con cái, tài sản cũng như ý kiến của ông N đối với yêu cầu khởi kiện của bà D.

*\* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên tòa nên đã từ bỏ quyền của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 8, 9, 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà B.T.D và ông P. V.P.N. Về con chung: Cháu Phạm Tuấn K đã trưởng thành nên không xem xét nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Trung Kn cho ông N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, bà D không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Bà D yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

Bà B.T.D (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Dớt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự

Ông P. V.P.N (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về hôn nhân: Bà D và ông N chung sống với nhau từ năm 2000 nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông N. Do hôn nhân giữa bà D và ông N vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân mà căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông N.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa bà D và ông N có 02 con chung tên Phạm Quốc K, sinh ngày 04/01/2003 và Phạm Trung Kn, sinh ngày 06/4/2008. Cháu Phạm Tuấn K đã trưởng thành nên không xem xét nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, thời gian ly thân, cháu Kn được ông N chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, phát triển bình thường và cháu Kn cũng có nguyện vọng được sống với ông

N. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Kn theo khoản 1, khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX thấy cần giao cháu Kn cho ông N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, tuy nhiên ông N không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Ông N phải tạo điều kiện cho bà D được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà D không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này giữa bà D và ông N có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 8, 9, 14, 53, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

\* Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà B.T.D và ông P. V.P.N.

\* Về con chung: Cháu Phạm Tuấn K, sinh ngày 04/01/2003 đã trưởng thành nên không xem xét nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng.

Giao cháu Phạm Trung Kn, sinh ngày 06/4/2008 cho ông N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

\* Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

\* Về án phí sơ thẩm: Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008143 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Bà D và ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mai Thị Vân**